TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Phan Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp CT, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Tạm trú: Ấp L Ô, xã AT, thị xã BC, tỉnh BD.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh Kh, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp CT, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị H và anh Kh vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Bùi Ngọc H trình bày:

Chị và anh Phạm Minh Kh chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện GD vào năm 2021, sau khi cưới vợ chồng chị sống chung với cha mẹ của anh Kh.

Trong thời gian chung sống với anh Kh xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Kh rượu chè, cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhiều lần khuyên can nhưng anh Kh không thay đổi nên đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay, vào dịp Tết năm 2023 anh Kh có đến 01 lần để thăm con chung và bàn việc đoàn tụ nhưng chị không đồng ý do trước đó vợ chồng chị đã sống ly thân nhiều lần, chị đã cho anh Khánh nhiều cơ hội. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Kh, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Có 01 người là cháu Phạm Thị Tú L, sinh ngày 20-7-2021 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Phạm Minh Kh trình bày:

Anh thừa nhận trước đây có cờ bạc nhưng đã từ bỏ, vợ chồng anh không có gây gỗ, mẫu thuẫn gì hết. Khi anh đang đi làm thì mẹ vợ đến nhà anh để dẫn chị H và cháu L về nhà chơi nhưng đi đến nay không về, nhiều lần anh điện thoại và có tìm chị H 01 lần để bàn việc đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có vòng xi men, dây chuyền và vòng, tổng trọng lượng khoảng 06-07 chỉ vàng 24K, chị H mang trên người khi đi nên anh yêu cầu chia ½ số vàng này.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị H, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Kh chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Ngọc H đối với anh Phạm Minh Kh. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Tú L, sinh ngày 20-7-2021, ghi nhận chị H không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản

chung: Chị H khai không có, anh Kh khai có và yêu cầu chia ½ nhưng không thực hiện các thủ tục theo quy định và vắng mặt sau nhiều lần triệu tập nên tách ra giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh Kh chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD vào năm 2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhân và bảo vệ. Nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh Kh Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H: Theo chị H khai anh Kh rượu chè, cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên dẫn đến mâu thuẫn; anh Kh thừa nhận có cờ bạc những đã từ bỏ, không có rượu chè và không có quan hệ bất chính với người khác như chị H khai. Mặc dù anh chị trình bày không thống nhất về mâu thuẫn, nhưng anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay nhưng không thể đoàn tụ, nhiều lần Tòa án triệu tập anh Kh để hòa giải nhằm tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm nhưng anh Kh vắng mặt không có lý do, chứng tỏ không có thiện chí để đoàn tụ, chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Cho thấy, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Kh là phù theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Kh đều có yêu cầu nuôi cháu Phạm Thị Tú L. Tuy nhiên, từ khi anh chị sống ly thân cháu L được chị H nuôi dưỡng ổn định, khi Tòa án lấy lời khai anh Kh có yêu cầu được nuôi cháu L nhưng sau đó vắng mặt không lý do nên đã không trình bày được nguyện vọng, điều kiện nuôi con chung, hơn nữa cháu L là nữ nên yêu cầu nuôi con chung của chị H là chính đáng và được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H khai không có tài sản chung, anh khai vợ chồng có 06-07 chỉ vàng 24k do chị Huyền đang quản lý và có yêu cầu chia ½. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-02-2023 Tòa án có ấn định cho anh Kh ngày 13-02-2023 nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh Kh vắng mặt cho đến nay nên Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết. Do đó, anh Kh có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Ngọc H đối với anh Phạm Minh Kh. Chị H được ly hôn với anh Kh.

2. Về con chung: Giao chị H có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Tú L, sinh ngày 20-7-2021. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Kh có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0025073 ngày 26-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã TP (25/2021);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Kim Quyên